

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SPS-BNNVN
V/v đề nghị thông báo và góp ý
dự thảo quy định về biện pháp SPS
của Thành viên WTO tháng 6/2024

Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2024

Kính gửi:

- Các Cục: Bảo vệ thực vật; Chăn nuôi; Thú y; Thủy sản; Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn);
- Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương);
- Cục An toàn thực phẩm (Bộ Y tế);
- Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh/thành phố.

Văn phòng SPS Việt Nam tổng hợp thông báo dự thảo và thông báo có hiệu lực về các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật (SPS) từ ngày 21/5 - 20/6/2024 của Thành viên Tổ chức thương mại thế giới (sau đây gọi tắt là thông báo), cụ thể:

1. Số lượng thông báo: 80 trong đó:

- Thông báo dự thảo lấy ý kiến: 69
- Thông báo có hiệu lực: 11

2. Một số thông báo cần lưu ý:

- Thị trường EU: (1) Sửa đổi các thông số kỹ thuật của Liên minh châu Âu đối với các chất phụ gia thực phẩm được phép bao gồm axit sorbic (E 200), kali sorbat (E 202) và propyl gallate (E 310); (2) Sửa đổi Quy định (EU) 2019/1793 về việc tạm thời tăng cường kiểm soát chính thức và các biện pháp khẩn cấp quản lý việc đưa một số hàng hóa nhất định từ một số nước thứ ba vào Liên minh châu Âu; (3) Thiết lập mức độ lây nhiễm chéo của các hoạt chất kháng khuẩn và các phương pháp phân tích trong thức ăn chăn nuôi; (4) Gia hạn cấp phép các chế phẩm lignosulphonate, Axit nicotinic, niacinamide, natri hydroxit, axit orthophosphoric, cyanocobalamin (vitamin B12), Chế phẩm *Lactiplantibacillus plantaru*, Men vi sinh *Lentilactobacillus buchneri* DSM 19455 làm phụ gia thức ăn cho các loài động vật; (5) Thông qua mức dư lượng tối đa đối với deltamethrin, metalaxyl, thiabendazole, trifloxystrobin và dithianon trong một số sản phẩm;

- Thị trường Hoa Kỳ: (1) Đề xuất dư lượng tồn dư inpyrfluxam, tetraniliprole, cyantraniliprole, cyflumetofen trong một số sản phẩm nhất định; (2) Đề xuất quy định về phụ gia màu (sodium copper chlorophyllin); (3) Chứng nhận phòng kiểm nghiệm phân tích thực phẩm (LAAF) để thử nghiệm về độc tố nấm mốc (mycotoxins) trong thực phẩm nhập khẩu;

- Thị trường Nhật Bản: (1) Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối thuốc thú y phenoxyetanol 0,06 mg/kg trong sản phẩm thủy sản; (2) Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với thuốc trừ sâu teflubenzuron, benthiavalicarb-isopropyl,

broflanilid, metaflumizone, isopyrazam, hexaconazol trong một số sản phẩm nhất định; (3) Thông qua Pháp lệnh thực thi Đạo luật Bảo vệ thực vật và danh sách dịch hại không thuộc diện kiểm dịch;

- Thị trường Bra-xin: (1) Dự thảo nghị quyết đề xuất đưa một số hoạt chất F80 - fluoxapiproline, A41 - amicarbazone, A58 - azadirachta indicates, B42 - bentiavalib isopropylic, B46 - benzovindiflup, C18 - chlorothalonil, c36 - cyproconazole, c63 - lambda -cyalothrine, C73 - metofem, d21 - diquate, d36 - difenoconazole, e 25 - spirodiclofen, E34 - spidoxamate, F46 - flumioxazine, F47 - fluazinam, F69 - flupyradifurone, I21 - indoxacarb, I27 - indaziflam, I34 - isopyrazam, M19 - metribuzim và P23.1 - propamocarb idate vào danh sách chuyên khảo về các thành phần hoạt chất cho thuốc bảo vệ thực vật; (2) Dự thảo quy định bắt buộc kiểm tra và giám sát đối với các sản phẩm dùng làm thức ăn chăn nuôi;

- Thị trường Nam Phi: (1) Dự thảo quy định bắt buộc đối với cá đông lạnh, động vật thân mềm và các sản phẩm được dùng làm thực phẩm cho người; (2) Dự thảo quy định bắt buộc đối với cá xông khói ướp lạnh và cá có hương vị xông khói; (3) Dự thảo quy định bắt buộc đối với tôm đông lạnh, tôm càng đỏ Na Uy, cua và các sản phẩm được dùng làm thực phẩm cho người; (4) Việc thu hoạch, sản xuất, chế biến, vận chuyển, xử lý và xử lý bào ngư khô, việc xử lý nguyên liệu phải tuân thủ các yêu cầu của Tiêu chuẩn (SANS) 2329;

- Thị trường Vương quốc Anh: Đề xuất áp dụng MRL hoạt chất trifloxystrobin, tricyclazole, bentazone và pydiflumetofen trong một số sản phẩm;

- Thị trường Thái Lan: Kiểm soát và ngăn ngừa dịch bệnh do ấu trùng và bào xác *Artemia* gây ra có thể ảnh hưởng đến ngành công nghiệp tôm;

- Thị trường Hàn Quốc: Đề xuất sửa đổi Quy định về khai báo và kiểm tra sản phẩm thực phẩm nhập khẩu;

(Thông tin tóm tắt và nội dung chi tiết các thông báo tại phụ lục kèm theo)

Văn phòng SPS Việt Nam đề nghị Quý Cơ quan nghiên cứu và thông báo cho các tổ chức, cá nhân có sản phẩm xuất khẩu liên quan đến các mặt hàng và thị trường nêu trên để có điều chỉnh phù hợp.

Thông tin góp ý đối với các thông báo dự thảo của Thành viên WTO (nếu có) gửi về Văn phòng SPS Việt Nam trước (05 ngày) thời hạn nhận góp ý của thông báo, địa chỉ: số 10 Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội; điện thoại: 024 37344764; email: spsvietnam@mard.gov.vn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/cáo);
- TTr. Trần Thanh Nam (để b/cáo);
- TTr. Hoàng Trung (để b/cáo);
- TTr. Phùng Đức Tiến (để b/cáo);
- Giám đốc (để b/cáo);
- Lưu VT (Hiệp).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Ngô Xuân Nam

Phụ lục:
THÔNG BÁO DỰ THẢO VÀ QUY ĐỊNH CÓ HIỆU LỰC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM
VÀ KIỂM DỊCH ĐỘNG, THỰC VẬT (SPS) CỦA THÀNH VIÊN TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI (WTO)
từ ngày 21/5 - 20/6/2024
(Kèm theo công văn số: /SPS-BNNVN, ngày tháng 7 năm 2024)

1. Danh sách dự thảo lấy ý kiến góp ý

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung
1	G/SPS/N/THA/742	BVTV	Thái Lan	20/6/2024	Thông báo B.E.2567 của Cục Thủy sản về quy định nhập khẩu ấu trùng và bào xác <i>Artemia</i> .	Nhằm kiểm soát và ngăn ngừa dịch bệnh do ấu trùng và bào xác <i>Artemia</i> gây ra có thể ảnh hưởng đến ngành công nghiệp tôm và đảm bảo phù hợp cho việc nhập khẩu ấu trùng và bào xác <i>Artemia</i> . Căn cứ các quy định tại Mục 2, Lệnh 309/2566 của Cục Phát triển Chăn nuôi, quy định điều kiện xuất, nhập khẩu và vận chuyển động vật và xác động vật theo Đạo luật Dịch bệnh Động vật B.E. 2566. Cục Thủy sản đã hủy bỏ quy định B.E. 2566 ngày 29 /5/ 2024 và thiết lập Quy định B.E.2567 mới về điều kiện nhập khẩu ấu trùng và bào xác <i>Artemia</i> . Chi tiết quy định tại: https://members.wto.org/crnattachments/2024/SPS/THA/24_03828_00_e.pdf
2	G/SPS/N/RUS/283	CN, TY	Liên bang Nga	20/6/2024	Dự thảo Quyết định của Hội đồng Ủy ban Kinh tế Á – Âu về quy tắc lưu hành các chất phụ gia thức ăn chăn nuôi trong lãnh thổ hải	Dự thảo bao gồm: - Các quy tắc chung về việc lưu hành các phụ gia thức ăn chăn nuôi; - Thủ tục chung để đăng ký và các thủ tục khác có liên quan; - Quy trình đánh giá chung về chất lượng, độ an toàn và hiệu quả của chất phụ gia thức ăn chăn nuôi, cũng như các tiêu chí của quy trình đánh giá;

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung
					quan của Liên minh kinh tế Á – Âu.	<ul style="list-style-type: none"> - Nguyên tắc chung về việc trao đổi thông tin trong việc tổ chức giám sát lưu hành chất phụ gia thức ăn chăn nuôi; - Biểu mẫu đăng ký; - Cơ sở dữ liệu về các chất phụ gia thức ăn chăn nuôi kém chất lượng, không an toàn, bị làm giả được phát hiện trong quá trình giám sát; - Cơ sở dữ liệu về các phản ứng phụ trên động vật khi sử dụng các chất phụ gia thức ăn chăn nuôi; - Đăng ký quy trình sản xuất mà nhà sản xuất phải tuân thủ.
3	G/SPS/N/EU/773	ATTP	Liên minh châu Âu	20/6/2024	Dự thảo sửa đổi Phụ lục II, Quy định (EC) số 1333/2008 về việc sử dụng axit sorbic (E 200) và kali sorbat (E 202), và Sửa đổi Phụ lục của Quy định số 231/2012 về các thông số kỹ thuật cho axit sorbic (E 200), kali sorbat (E 202) và propyl gallate (E 310)	<p>Sửa đổi các thông số kỹ thuật của Liên minh châu Âu đối với các chất phụ gia thực phẩm được phép sử dụng, bao gồm axit sorbic (E 200), kali sorbat (E 202), propyl gallate (E 310) và mở rộng sử dụng axit sorbic (E 200), kali sorbat (E 202) làm chất bảo quản trong thực phẩm có chứa gelatin, có hương vị trái cây dựa trên các đánh giá khoa học của Cơ quan An toàn thực phẩm châu Âu (EFSA).</p> <p>Cụ thể, đối với axit sorbic (E 200) và kali sorbat (E 202), thiết lập giới hạn tối đa cho các nguyên tố độc hại (asen, chì, thủy ngân và kẽm) giảm xuống mức 0,1 mg/kg. Ngoài ra, kali sorbat (E 202) được cập nhật thêm dạng hạt.</p> <p>Axit sorbic (E 200) và kali sorbat (E 202) được cho phép sử dụng trong nhóm 16 'thực phẩm ngoại trừ các sản phẩm thuộc các nhóm 1, 3 và 4' với mức tối đa là 1.000 mg/kg cho thực phẩm có chứa gelatin, có hương vị trái cây.</p> <p>Để quá trình chuyển đổi thuận lợi, việc áp dụng các thông số kỹ thuật mới cho các chất phụ gia thực phẩm axit sorbic</p>

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung
						(E 200), kali sorbat (E 202) và propyl gallate (E 310) đã đưa ra thị trường trước ngày quy định có hiệu lực sẽ được áp dụng giai đoạn chuyển tiếp. Tương tự, đối với thực phẩm có chứa các chất phụ gia nói trên đã được cấp phép lưu hành trên thị trường trước ngày quy định có hiệu lực được áp dụng giai đoạn chuyển tiếp.
4	G/SPS/N/TPKM/629	ATTP, CLCB, BVTV	Đài Loan Trung Quốc	19/6/2024	Phân loại 07 mã CCC làm thực phẩm phải đăng ký kiểm tra với Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm, Bộ Y tế và Phúc lợi	Các nhà nhập khẩu phải đăng ký kiểm tra với Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm, Bộ Y tế và Phúc lợi các hàng hóa được phân loại theo 7 mã CCC dưới đây nếu chúng được sử dụng cho thực phẩm. Cụ thể: 0302.99.10.10-3: Da cá nóc tươi hoặc đông lạnh 0302.99.10.90-6: Da các loại cá khác, tươi hoặc đông lạnh 0303.99.10.10-2: Da cá nóc đông lạnh 0303.99.10.90-5: Da các loại cá khác đông lạnh 1207.29.00.10-4: Hạt giống bông biến đổi gen để sử dụng làm thực phẩm 1207.29.00.20-2: Hạt giống bông không biến đổi gen để sử dụng làm thực phẩm 1211.90.91.81-6: Trà đỏ (<i>Aspalathus linearis</i>)
5	G/SPS/N/KOR/801	ATTP, BVTV, CLCB, CT, TY	Hàn Quốc	19/6/2024	Đề xuất sửa đổi Quy định về khai báo và kiểm tra sản phẩm thực phẩm nhập khẩu, v.v.	Các sửa đổi nhằm: a) Làm rõ quy trình thủ tục phê duyệt nhanh đối với nguyên liệu thô (thực phẩm..., được Bộ trưởng Bộ An toàn Thực phẩm và Dược phẩm công nhận là an toàn... có báo cáo thử nghiệm/kiểm tra từ các tổ chức kiểm nghiệm/kiểm tra nước ngoài); b) Điều chỉnh danh mục sản phẩm thực phẩm, v.v. được Bộ trưởng Bộ An toàn Thực phẩm và Dược phẩm công nhận là an toàn;

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung
						c) Điều chỉnh danh mục thuốc trừ sâu phải kiểm tra chi tiết đối với các sản phẩm thực phẩm lần đầu nhập khẩu.
6	G/SPS/N/ARE/280	TY	UAE	19/6/2024	Dự thảo sửa đổi Nghị quyết số 109 năm 2021 về điều kiện nhập khẩu chó và mèo	Sửa đổi Nghị quyết số 109 năm 2021 về các điều kiện nhập khẩu chó mèo vào UAE
7	G/SPS/N/UKR/222	BVTV	Ucraina	14/6/2024	Dự thảo sửa đổi quy định về giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật	Dự thảo sửa quy định về cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật để tiến tới áp dụng giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật điện tử (ePhytos).
8	G/SPS/N/BRA/2308	ATTP, BVTV	Bra-xin	14/6/2024	Dự thảo Nghị quyết 1261, ngày 7/6/2024.	Dự thảo nghị quyết đề xuất đưa hoạt chất F80 - fluoxapiprolin vào Danh sách chuyên khảo về các thành phần hoạt chất cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được công bố bởi Hướng dẫn quy phạm 103 ngày 19/10/2021 trên Công báo Bra-xin
9	G/SPS/N/USA/3459	CN, TY	Hoa Kỳ	13/6/2024	Trích dẫn tài liệu: 89 FR 41726: Kiểm soát các bệnh truyền nhiễm đối với nhập khẩu chó và mèo.	Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa Dịch bệnh (CDC), thuộc Bộ Y tế và Dịch vụ Nhân sinh (HHS), ban hành quy tắc cuối cùng nhằm cung cấp các biện pháp bảo vệ sức khỏe cộng đồng bởi biến thể vi-rút bệnh dại chó (DMRVV) liên quan đến nhập khẩu chó vào Hoa Kỳ. Quy tắc này cũng đề cập đến việc nhập khẩu mèo như một phần của những thay đổi tổng thể đối với các quy định ảnh hưởng đến cả chó và mèo, nhưng không yêu cầu nhập khẩu mèo phải kèm theo chứng nhận tiêm phòng bệnh dại.
10	G/SPS/N/CAN/1557	ATTP, BVTV	Canada	13/6/2024	Đề xuất mức dư lượng tối đa (MRL) đối với	Cơ quan quản lý dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA) dự thảo PMRL2024-10 thiết lập giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với cyflumetofen. Cụ thể:

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung								
					cyflumetofen (PMRL2024-10)	<table border="1"> <tr> <td>MRL (ppm)¹</td> <td>Hàng hóa/sản phẩm nông sản</td> </tr> <tr> <td>2,0</td> <td>Ớt chuông, khác</td> </tr> <tr> <td>0,7</td> <td>Cà chua²</td> </tr> <tr> <td>0,3</td> <td>Rau bầu bí (nhóm cây 9)</td> </tr> </table> <p>¹ppm = phần triệu ²MRL đề xuất để thay thế mức 0,4 ppm cho cà chua đã được thiết lập.</p>	MRL (ppm) ¹	Hàng hóa/sản phẩm nông sản	2,0	Ớt chuông, khác	0,7	Cà chua ²	0,3	Rau bầu bí (nhóm cây 9)
MRL (ppm) ¹	Hàng hóa/sản phẩm nông sản													
2,0	Ớt chuông, khác													
0,7	Cà chua ²													
0,3	Rau bầu bí (nhóm cây 9)													
11	G/SPS/N/EU/772	BVTV, CT	Liên minh châu Âu	12/6/2024	Ban hành Quy định (EU) 2024/1662 ngày 11/6/2024 sửa đổi Quy định (EU) 2019/1793	<p>Quy định số (EU) 2024/1662 ngày 11/6/2024 sửa đổi Quy định (EU) 2019/1793 về việc tạm thời tăng cường kiểm soát chính thức và các biện pháp khẩn cấp quản lý việc đưa một số hàng hóa nhất định từ một số nước thứ ba vào Liên minh châu Âu, thực hiện Quy định (EU) 2017/625 và (EC) số 178/2002 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu. Quy định có liên quan đến sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam như sau:</p> <p>Theo đó, sản phẩm mì ăn liền (có chứa gói gia vị hoặc nước sốt) của Việt Nam là sản phẩm bị tăng tần suất kiểm tra biên giới từ tháng 12/2021 do chứa etylen oxyde (EO). Kết quả kiểm soát và việc tuân thủ tốt các quy định của EU đối với các sản phẩm mì ăn liền, phía EU đã đưa sản phẩm mì ăn liền ra khỏi danh sách tại Phụ lục I, tức là sẽ không còn chịu tần suất kiểm tra tại cửa khẩu khi nhập khẩu vào EU;</p> <p>Đối với quả thanh long của Việt Nam, do còn có một số lô hàng vi phạm Quy định (EU) 2019/1793, nên EU áp dụng tần suất kiểm tra tại biên giới là 30% và kèm giấy chứng nhận kết quả phân tích mẫu đối với lô hàng;</p> <p>Đối với quả ớt của Việt Nam, do còn có một số lô hàng vi phạm Quy định (EU) 2019/1793, nên EU áp dụng tần suất kiểm tra tại biên giới là 50% và kèm giấy chứng nhận kết</p>								

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung
						<p>quả phân tích mẫu đối với lô hàng (chuyển từ Phụ lục I sang Phụ lục II);</p> <p>Đối với đậu bắp của Việt Nam, do còn 02 lô hàng bị vi phạm Quy định (EU) 2019/1793, nên EU giữ nguyên tần suất kiểm tra tại biên giới là 50% và kèm giấy chứng nhận kết quả phân tích mẫu đối với lô hàng;</p> <p>Đối với sầu riêng của Việt Nam, EU giữ nguyên tần suất kiểm tra tại biên giới là 10%.</p>
12	G/SPS/N/NZL/769	ATTP, BVTV, TY	Niu Di-lân	12/6/2024	Dự thảo sửa đổi mức dư lượng tối đa (MRL) đối với các hợp chất nông nghiệp	<p>Dự thảo sửa đổi mức dư lượng tối đa (MRL) đối với các hợp chất nông nghiệp theo Đạo luật Thực phẩm 2014.</p> <p>Đề xuất sửa đổi như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Thiết lập MRL mới cho các hợp chất và hàng hóa sau: <ul style="list-style-type: none"> • Penflufen: 0,01(*) mg/kg trong khoai tây; Sửa đổi các mức MRL hiện có cho các hợp chất và hàng hóa sau: <ul style="list-style-type: none"> • Fluopyram: 0,01(*) mg/kg trong quả Kiwi; • Glufosinate-ammonium: hiệu chỉnh số CAS; • Mecoprop: Bao gồm mô tả trong chất đồng hóa mecoprop-P; • Piperonyl butoxide: 0,05 mg/kg trong thịt, mỡ và nội tạng của gia súc, hươu, và sữa. <p>(*) Mức dư lượng tối đa đã được thiết lập hoặc giới hạn định lượng phân tích.</p> <ol style="list-style-type: none"> Bổ sung vào Mục 3 đối với các loại thuốc thú y không áp dụng mức dư lượng tối đa: <ul style="list-style-type: none"> • Canxi và muối khi được sử dụng để bổ sung canxi nhằm điều trị hoặc phòng ngừa thiếu canxi trong máu của động vật sau sinh đẻ.

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung
13	G/SPS/N/GBR/62	ATTP, BVTV, TY	Vương quốc Anh	12/6/2024	Sửa đổi mức dư lượng tối đa (MRL) trifloxystrobin trên cải đường	<p>Cơ quan Quản lý An toàn và Sức khỏe Vương quốc Anh đã nhận được đơn kiến nghị thiết lập mức dư lượng trifloxystrobin mới cho củ cải đường. Mức dư lượng mới được đề xuất như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Củ cải đường: Được điều chỉnh mức 0.05 mg/kg thay cho mức cũ 0.02 mg/kg <p>Các nhóm và loại hàng hóa khác không có sự thay đổi và được thiết lập MRL như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quả có múi: 0,05 mg/kg - Hạt điều: 0,02 mg/kg - Nhóm gia vị: 0,05 mg/kg - Nhóm chè, cà phê, ca cao: 0,05 mg/kg - Gạo: 5 mg/kg <p>....</p> <p>Xem chi tiết tại: https://members.wto.org/crnattachments/2024/SPS/GBR/24_03716_00_e.pdf</p> <p><i>* Hoạt chất trifloxystrobin được phê duyệt ở Vương quốc Anh</i></p> <p><i>* Tại Việt Nam, hoạt chất trifloxystrobin được phép sử dụng trong nhóm thuốc BVTV với 15 thương phẩm (Thông tư số 09/2023/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2023 của Bộ NNPTNT).</i></p>
14	G/SPS/N/GBR/61	ATTP, BVTV, TY	Vương quốc Anh	12/6/2024	Sửa đổi mức dư lượng tối đa (MRL) tricyclazole trên gạo	<p>Cơ quan Quản lý An toàn và Sức khỏe Vương quốc Anh đã nhận được đơn kiến nghị thiết lập mức dư lượng tricyclazole mới cho gạo. Mức dư lượng mới được đề xuất như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gạo: Được điều chỉnh mức 0.09 mg/kg thay cho mức cũ 0.01 mg/kg

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung
						<p>Các nhóm và loại hàng hóa khác không có sự thay đổi và được thiết lập MRL như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm quả và hạt: 0,01 mg/kg - Hạt điều: 0,01 mg/kg - Nhóm gia vị: 0,05 mg/kg - Nhóm chè, cà phê, ca cao: 0,05 mg/kg <p>.....</p> <p>Xem chi tiết tại: https://members.wto.org/crnattachments/2024/SPS/GBR/24_03715_00_e.pdf</p> <p><i>* Hoạt chất tricyclazole không được phê duyệt ở Vương quốc Anh.</i></p> <p><i>* Tại Việt Nam, hoạt chất tricyclazole được phép sử dụng trong nhóm thuốc BVTV với hơn 140 thương phẩm (Thông tư số 09/2023/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2023 của Bộ NNPTNT).</i></p>
15	G/SPS/N/GBR/60	ATTP, BVTV, TY	Vương quốc Anh	12/6/2024	Sửa đổi mức dư lượng tối đa (MRL) bentazone trên một số sản phẩm	<p>Cơ quan Quản lý An toàn và Sức khỏe Vương quốc Anh đã nhận được đơn kiến nghị thiết lập mức dư lượng bentazone mới trên một số sản phẩm sữa, mỡ động vật và hạt cải dầu.v.v.. Mức dư lượng mới được đề xuất như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỡ động vật (mỡ cừu, dê, bò.v.v.): Được điều chỉnh mức 0.04 mg/kg thay cho mức cũ 0.02 mg/kg - Sữa: Được điều chỉnh mức 0.03 mg/kg thay cho mức cũ 0.02 mg/kg - Hạt cải dầu: Được điều chỉnh mức 0.2 mg/kg thay cho mức cũ 0.03 mg/kg <p>- Các nhóm và loại hàng hóa khác không có sự thay đổi và được thiết lập MRL như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quả có múi: 0,03 mg/kg

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung
						<ul style="list-style-type: none"> - Hạt điều: 0,03 mg/kg - Nhóm gia vị: 0,1 mg/kg - Nhóm chè, cà phê, ca cao: 0,1 mg/kg - Gạo: 0,1 mg/kg <p>.....</p> <p>Xem chi tiết tại: https://members.wto.org/crnattachments/2024/SPS/GBR/24_03714_00_e.pdf</p> <p>* Hoạt chất bentazone được phê duyệt ở Vương quốc Anh. * Tại Việt Nam, hoạt chất bentazone được phép sử dụng trong nhóm thuốc BVTV với 05 thương phẩm (Thông tư số 09/2023/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2023 của Bộ NNPTNT).</p>
16	G/SPS/N/GBR/59	ATTP, BVTV, TY	Vương quốc Anh	12/6/2024	Đề xuất mức dư lượng tối đa (MRL) pydiflumetofen trên nhiều loại hàng hóa khác nhau	<p>Cơ quan Quản lý An toàn và Sức khỏe Vương quốc Anh đã nhận Đơn kiến nghị thiết lập mức dư lượng tối đa (MRL) trên nhiều loại hàng hóa khác nhau. Mức dư lượng mới được đề xuất như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm quả có múi, các loại hạt: 0,01 mg/kg - Hạt điều: 0,01 mg/kg - Nhóm rau củ: 0,01-0,2 mg/kg - Trà, cà phê.v.v.: 0,01 mg/kg - Nhóm thảo dược, gia vị: 0.01 mg/kg - Gạo: 0,01 mg/kg - Nhóm sản phẩm có nguồn gốc động vật: 0.01 mg/kg <p>.....</p> <p>Xem chi tiết tại: https://members.wto.org/crnattachments/2024/SPS/GBR/24_03711_00_e.pdf</p> <p>* Hoạt chất pydiflumetofen mới được phê duyệt ở Vương quốc Anh.</p>

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung
						* Tại Việt Nam, hoạt chất pydiflumetofen được phép sử dụng trong nhóm thuốc BVTV với 01 thương phẩm (Thông tư số 09/2023/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2023 của Bộ NNPTNT).
17	G/SPS/N/CHL/792	TY	Chi Lê	12/6/2024	Thiết lập các điều kiện vệ sinh chung cho việc nhập khẩu động vật sống và các sản phẩm có nguồn gốc động vật vào Chi Lê và bãi bỏ Nghị quyết miễn trừ số 1.150 năm 2000	Thông báo thiết lập các yêu cầu đối với việc nhập khẩu động vật sống và các sản phẩm có nguồn gốc động vật vào Chi Lê, bao gồm những điểm sau: <ul style="list-style-type: none"> • Cơ quan có thẩm quyền thú y của nước xuất khẩu phải được sự đánh giá của Cơ quan Dịch vụ và chăn nuôi (SAG) theo khuyến nghị tại chương 3.2 và 3.3 của Quy tắc sức khỏe đối với động vật trên cạn của Tổ chức Thú y Thế giới (WHO); • Đối với việc nhập khẩu động vật và sản phẩm vào Chi Lê, xem xét đến tình trạng của quốc gia, vùng lãnh thổ và khu vực không có dịch bệnh; • Quốc gia, khu vực phải tuân thủ các khuyến nghị của Bộ luật thú y trên cạn của WHOA đối với các bệnh khác nhau;
18	G/SPS/N/JPN/1270	ATTP, CLCB	Nhật Bản	11/6/2024	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm v.v. theo Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp)	Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối thuốc thú y: Phenoxyetanol. Cụ thể như sau: Mức MRL đề xuất trên động vật thủy sản: 0,06 mg/kg

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung
19	G/SPS/N/JPN/1269	ATTP, BVTV, CLCB, TY	Nhật Bản	11/6/2024	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp)	<p>Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với thuốc trừ sâu: Teflubenzuron, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất mức MRL đối với chè: 15 mg/kg thay cho mức cũ 20 mg/kg - Đề xuất mức MRL đối với hạt cà phê: 0.3 mg/kg thay cho mức cũ 0,5 mg/kg - Đề xuất mức MRL đối với mật ong (bao gồm cả sữa ong chúa): 0.05 ppm, trước đó chưa có quy định <p><i>* Tại Việt Nam, hoạt chất teflubenzuron được phép sử dụng trong nhóm thuốc BVTV với 01 thương phẩm (Thông tư số 09/2023/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2023 của Bộ NNPTNT).</i></p>
20	G/SPS/N/JPN/1268	ATTP, BVTV, TY	Nhật Bản	11/6/2024	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp)	<p>Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với thuốc trừ sâu/thuốc thú y: Broflanilid, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm hạt (bao gồm đậu nành, lạc.v.v...): Được nâng lên mức 0,07 mg/kg - Hạt cà phê: 0,01 mg/kg - Một số sản phẩm động vật: 0,03-0,2 mg/kg - Trà, cà phê.v.v...: 0,01 mg/kg - Gừng: Được nâng lên mức 0,04 mg/kg - Măng tây: Được nâng lên mức 0,07 mg/kg <p>..... Xem chi tiết tại: https://members.wto.org/crnattachments/2024/SPS/JPN/24_03705_00_e.pdf</p>
21	G/SPS/N/JPN/1267	ATTP, BVTV, CLCB, TY	Nhật Bản	11/6/2024	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ	<p>Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với thuốc trừ sâu: Metaflumizone. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh tăng: + Củ cải đường: 0,2 mg/kg + Sữa: 0,02 mg/kg

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung
					sinh Thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp)	+ mật ong (bao gồm sữa ong chúa): 0,05 mg/kg - Điều chỉnh giảm: + Quả chanh: mức mới 5 mg/kg, mức cũ 8 mg/kg Xem chi tiết tại: https://members.wto.org/crnattachments/2024/SPS/JPN/24_03704_00_e.pdf <i>* Tại Việt Nam, hoạt chất betaflumizone được phép sử dụng trong nhóm thuốc BVTV với 09 thương phẩm (Thông tư số 09/2023/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2023 của Bộ NNPTNT).</i>
22	G/SPS/N/JPN/1266	ATTP, BVTV, TY	Nhật Bản	11/6/2024	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp)	Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối thuốc trừ sâu: Isopyrazam. Cụ thể như sau: - Điều chỉnh tăng + mật ong (bao gồm sữa ong chúa): 0,05 mg/kg + rau thuộc họ cà (solanaceae): 1 ppm + và một số sản phẩm khác Xem chi tiết tại: https://members.wto.org/crnattachments/2024/SPS/JPN/24_03703_00_e.pdf <i>* Tại Việt Nam, hoạt chất isopyrazam được phép sử dụng trong nhóm thuốc BVTV với 02 thương phẩm (Thông tư số 09/2023/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2023 của Bộ NNPTNT).</i>
23	G/SPS/N/JPN/1265	ATTP, BVTV, TY	Nhật Bản	11/6/2024	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về	Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với thuốc trừ sâu: Hexaconazol. Cụ thể như sau: - Điều chỉnh tăng + mật ong (bao gồm sữa ong chúa): 0,05 mg/kg + rau thuộc họ cà (solanaceae): 0,2 ppm Xem chi tiết tại:

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung
					đư lượng hóa chất nông nghiệp)	https://members.wto.org/crnattachments/2024/SPS/JPN/24_03702_00_e.pdf * Tại Việt Nam, hoạt chất hexaconazol được phép sử dụng trong nhóm thuốc BVTV với gần 60 thương phẩm (Thông tư số 09/2023/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2023 của Bộ NNPTNT).
24	G/SPS/N/JPN/1264	ATTP, BVTV, TY	Nhật Bản	11/6/2024	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp)	Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với thuốc trừ sâu: Benthiavalicarb-isopropyl. Cụ thể: - Điều chỉnh tăng + Thảo dược, rau chân vịt: 10 mg/kg - Điều chỉnh giảm: + Cà tím, rau thuộc họ cà (solanaceae): mức mới 1 mg/kg, mức cũ 2 mg/kg + Chanh: mức mới 0,7 mg/kg, mức cũ 1 mg/kg Xem chi tiết tại: https://members.wto.org/crnattachments/2024/SPS/JPN/24_03701_00_e.pdf * Tại Việt Nam, hoạt chất Benthiavalicarb-isopropyl được phép sử dụng trong nhóm thuốc BVTV với 01 thương phẩm (Thông tư số 09/2023/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2023 của Bộ NNPTNT).
25	G/SPS/N/BRA/2250 /Add.2	ATTP, BVTV	Bra-xin	11/6/2024	Dự thảo Nghị quyết 1232, ngày 2/2/2024	Dự thảo được thông báo trong G/SPS/N/BRA/2250/Add.1 đã được sửa đổi cập nhật các hoạt chất A02 - acephate, A12 - asulam, A26 - azoxystrobin, A29 - acetamiprid, A54 - azadirachtin, B26 - bifentrin, B39 - benzyladenine, B41 - boscalid, B68 - bixlozone, C10 - cypermethrin, C35 - chlomazone, C36 - cyproconazol, C63 - lambda-cyhalothrin, D25 - diuron, D55 - dinotefuran, F68 - dluxapyroxad, G01 - glyphosate, H02 - hexazinone, I32 -

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung
						isocycloseram, M02 - mancozeb, M31 - metalaxyl-M, M38 - milbemectin, P05 - pendimethalin, P13 - profenofos, P61 - pyroxasulfone, S13 - S-metolachlor, và T24 - triflural vào Danh sách chuyên khảo về các hoạt chất cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được ban hành bởi Hướng dẫn quy phạm 103 vào ngày 19/10/2021 trên Công báo Bra-xin
26	G/SPS/N/ZAF/86	CLCB	Nam Phi	10/6/2024	Sửa đổi quy định bắt buộc đối với cá đông lạnh, động vật thân mềm đông lạnh và các sản phẩm đông lạnh - VC 8017.	Dự thảo quy định bắt buộc đối với cá đông lạnh, động vật thân mềm, và các sản phẩm từ chúng được dùng làm thực phẩm cho người. Các sản phẩm nhập khẩu được sản xuất trong các cơ sở chế biến/sơ chế thực phẩm tuân thủ Thực hành Vệ sinh Tốt (GHP) và được phê duyệt/chứng nhận bởi Cơ quan Có thẩm quyền của nước xuất xứ. Giấy chứng nhận sức khỏe/chứng nhận nhập khẩu được Cơ quan có thẩm quyền của nước xuất xứ giám sát và chứng nhận an toàn. Tiêu chuẩn (SANS) 585: 2024 áp dụng cho việc sơ chế, chế biến, đóng gói, vận chuyển, đông lạnh, bảo quản và chất lượng cũng được áp dụng cho dự thảo này.
27	G/SPS/N/ZAF/85	CLCB	Nam Phi	10/6/2024	Sửa đổi quy định bắt buộc đối với cá xông khói ướp lạnh và cá có hương vị xông khói (VC8021)	Dự thảo quy định bắt buộc đối với cá xông khói ướp lạnh và cá có hương vị xông khói (VC8021), khi được bán trên thị trường phải tuân thủ các yêu cầu của Tiêu chuẩn (SANS) 2877 áp dụng cho việc sơ chế, chế biến, đóng gói, vận chuyển, bảo quản và chất lượng và các sản phẩm từ chúng, cũng như các yêu cầu về thành phần của các sản phẩm được quy định, các yêu cầu vệ sinh và chất gây ô nhiễm hóa học và vi sinh đối với sản phẩm.v.v..
28	G/SPS/N/ZAF/84	CLCB	Nam Phi	10/6/2024	Sửa đổi quy định bắt buộc cho tôm đông	Dự thảo quy định bắt buộc đối với tôm đông lạnh, tôm càng đỏ Na Uy, cua, và các sản phẩm của chúng được dùng làm

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung
					lạnh, tôm càng đỏ Na Uy và cua, và các sản phẩm của chúng (VC 8031).	thực phẩm cho người. Các sản phẩm nhập khẩu được sản xuất trong các cơ sở chế biến/sơ chế thực phẩm phải tuân thủ Thực hành Vệ sinh Tốt (GHP) và được phê duyệt/chứng nhận bởi Cơ quan Có thẩm quyền của nước xuất xứ. Giấy chứng nhận sức khỏe/chứng nhận nhập khẩu được Cơ quan có thẩm quyền của nước xuất xứ giám sát và chứng nhận an toàn. Tiêu chuẩn (SANS) 788: 2024 áp dụng cho việc sơ chế, chế biến, đóng gói, vận chuyển, đông lạnh, bảo quản và chất lượng cũng được áp dụng cho dự thảo này
29	G/SPS/N/ZAF/83	CLCB	Nam Phi	10/6/2024	Quy định bắt buộc cho bảo ngư khô – VC 9108.	Việc thu hoạch, sản xuất, chế biến, vận chuyển, xử lý và xử lý bảo ngư khô, việc xử lý nguyên liệu phải tuân thủ các yêu cầu của Tiêu chuẩn (SANS) 2329.
30	G/SPS/N/SAU/532	BVTV	Các tiêu Vương quốc Ả rập Thống nhất	10/6/2024	Quy định thực hiện các tiêu chuẩn quốc tế trong kiểm dịch thực vật (ISPM số 15) đối với nhập khẩu hàng hóa.	Vương quốc Ả rập Xê út sẽ áp dụng Tiêu chuẩn quốc tế về các nguyên liệu đóng gói bằng gỗ trong thương mại quốc tế (ISPM-15). Quy định này mô tả các quá trình xử lý nguyên liệu đóng gói bằng gỗ để giảm nguy cơ xâm nhập và/ hoặc lây lan các loài dịch hại liên quan đến vật liệu gỗ như: vật liệu chèn lót, tấm gỗ nâng hàng, thùng gỗ, hộp, hộp đựng, trống quần dây cáp, ống cuộn, ván tải, ván trượt,... bao gồm cả chuyển hàng không phải đối tượng kiểm dịch thực vật.
31	G/SPS/N/EU/771	CN, TY, TS	Liên minh châu Âu	10/6/2024	Quy định (EU) 2024/749 ngày 29/02/2024 về việc cấp phép sử dụng lignosulphonate làm phụ gia thức ăn cho tất cả loài động vật	Lignosulphonate đã được cấp phép làm phụ gia thức ăn cho tất cả loài động vật, đơn xin tái cấp phép cho chất này đã được nộp theo Điều 10 của Quy định (EC) số 1831/2003. Sau khi có đánh giá tích cực từ Cơ quan An toàn Thực phẩm châu Âu, chất này được tái cấp phép làm phụ gia thức ăn cho tất cả loài động vật, thuộc danh mục "phụ gia công nghệ" và nhóm chức năng "chất kết dính" theo một số điều kiện.

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung																
						Bao gồm giai đoạn chuyển tiếp phù hợp để các bên liên quan đáp ứng các yêu cầu của quy định mới. Mức dư lượng tối đa của phụ gia thức ăn hoàn chỉnh với hàm lượng ẩm 12% trên các nhóm: Heo con cai sữa, heo thịt, gà thịt, gà đẻ, bò: 10.000 mg/kg Tất cả loài và động vật khác: 8.000 mg/kg																
32	G/SPS/N/CAN/1556	ATTP, BVTV	Canada	06/6/2024	<u>Đề xuất mức dư lượng tối đa (MRL) đối với Metsulfuron-methyl (PMRL2024-09)</u>	<p>Cơ quan quản lý dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA) dự thảo PMRL2024-09 thiết lập giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với <u>Metsulfuron-methyl</u>. Cụ thể như sau:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>MRL (ppm)¹</th> <th>Hàng hóa/sản phẩm nông sản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>0,1</td> <td>Yến mạch</td> </tr> </tbody> </table> <p>¹ppm = phần triệu</p>	MRL (ppm) ¹	Hàng hóa/sản phẩm nông sản	0,1	Yến mạch												
MRL (ppm) ¹	Hàng hóa/sản phẩm nông sản																					
0,1	Yến mạch																					
33	G/SPS/N/CAN/1555	ATTP, BVTV	Canada	06/6/2024	<u>Đề xuất mức dư lượng tối đa (MRL) đối với Broflanilide (PMRL2024-08)</u>	<p>Cơ quan quản lý dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA) dự thảo PMRL2024-08 thiết lập giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với <u>Broflanilide</u>. Cụ thể như sau:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>MRL (ppm)¹</th> <th>Hàng hóa/sản phẩm nông sản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>4,0</td> <td>rau (Lá) (nhóm cây trồng 4-13)</td> </tr> <tr> <td>1,5</td> <td>Rau (cuống lá) (nhóm cây trồng 22B)</td> </tr> <tr> <td>0,7</td> <td>Họ cải bắp, rau thân cây (nhóm cây trồng 5-13)</td> </tr> <tr> <td>0,6</td> <td>Cà chua sấy khô</td> </tr> <tr> <td>0,2</td> <td>Bột cà chua</td> </tr> <tr> <td>0,15</td> <td>Quả (rau) (nhóm cây trồng 8-09)</td> </tr> <tr> <td>0,07</td> <td>Đậu nành khô</td> </tr> </tbody> </table> <p>¹ppm = phần triệu</p>	MRL (ppm) ¹	Hàng hóa/sản phẩm nông sản	4,0	rau (Lá) (nhóm cây trồng 4-13)	1,5	Rau (cuống lá) (nhóm cây trồng 22B)	0,7	Họ cải bắp, rau thân cây (nhóm cây trồng 5-13)	0,6	Cà chua sấy khô	0,2	Bột cà chua	0,15	Quả (rau) (nhóm cây trồng 8-09)	0,07	Đậu nành khô
MRL (ppm) ¹	Hàng hóa/sản phẩm nông sản																					
4,0	rau (Lá) (nhóm cây trồng 4-13)																					
1,5	Rau (cuống lá) (nhóm cây trồng 22B)																					
0,7	Họ cải bắp, rau thân cây (nhóm cây trồng 5-13)																					
0,6	Cà chua sấy khô																					
0,2	Bột cà chua																					
0,15	Quả (rau) (nhóm cây trồng 8-09)																					
0,07	Đậu nành khô																					

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung
34	G/SPS/N/TUR/146	ATTP, BVTV, CLCB, CT, TY	Thổ Nhĩ Kỳ	05/6/2024	Dự thảo quy định Codex Thực phẩm của Thổ Nhĩ Kỳ về các phương pháp lấy mẫu và phân tích để kiểm soát độc tố thực vật trong thực phẩm	Dự thảo quy định phương pháp lấy mẫu, tiêu chí và phương pháp phân tích nhằm kiểm soát độc tố thực vật trong thực phẩm Dự thảo quy định này có tham chiếu Quy định (EU) 2023/2783 ngày 14/12/2023 quy định các phương pháp lấy mẫu và phân tích để kiểm soát độc tố thực vật trong thực phẩm và bãi bỏ Quy định (EU) 2015/705.
35	G/SPS/N/TUR/88 /Rev.1	ATTP, BVTV, CLCB, CT, TY	Thổ Nhĩ Kỳ	05/6/2024	Dự thảo quy định Codex thực phẩm của Thổ Nhĩ Kỳ về phương pháp lấy mẫu và phân tích để kiểm soát mức độ độc tố nấm mốc trong thực phẩm.	Dự thảo quy định phương pháp lấy mẫu, tiêu chí và phương pháp phân tích nhằm kiểm soát độc tố nấm mốc trong thực phẩm Quy định này thay thế quy định số 2018/10 và 30361. Dự thảo quy định này có tham chiếu Tiêu chuẩn Codex về chất gây ô nhiễm và chất độc trong Thực phẩm và Thức ăn chăn nuôi và Quy định (EC) số 2023/2782 của Ngày 14/12/2023.
36	G/SPS/N/EU/770	CN, TY, TS	Liên minh châu Âu	05/6/2024	Quy định (EU) 2024/1194 ngày 24/4/2024 về việc gia hạn cấp phép sử dụng axit nicotinic và niacinamide làm phụ gia thức ăn cho tất cả loài động vật và bãi bỏ Quy định (EU) số 642/2013.	Axit nicotinic và niacinamide được cấp phép trong thời hạn 10 năm làm chất phụ gia thức ăn cho tất cả loài động vật trong danh mục 'chất phụ gia dinh dưỡng' và trong nhóm chức năng 'vitamin, vitamin pro. Đơn xin gia hạn giấy phép đã nộp, Cơ quan An toàn Thực phẩm châu Âu đã có đánh giá tích cực nên các chất này được tái cấp phép làm phụ gia thức ăn cho các loài động vật với một số điều kiện.
37	G/SPS/N/BRA/2307	CN, TY, TS	Bra-xin	05/6/2024	Nghị định số 12.031 ngày 28/5/2024.	Dự thảo Quy định Luật số 6.198 ngày 26/12/1974 và Luật số 14.515 ngày 29/12/2022 về quy định bắt buộc kiểm tra

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung
						và giám sát đối với các sản phẩm dùng làm thức ăn chăn nuôi.
38	G/SPS/N/BRA/2306	CN, TY	Bra-xin	05/6/2024	Giấy chứng nhận y tế đối với sản phẩm mẫu để xuất khẩu không có giá trị thương mại ở Bra-xin	Thông tư số 108/2024/DHC/CGI/DIPOA/SDA/MAPA được ban hành ngày 9/5/2024 về giới thiệu mẫu Giấy chứng nhận sức khỏe để xuất khẩu mẫu phi thương mại sang Bra-xin. Cần lưu ý rằng mẫu giấy chứng nhận sức khỏe không có sự thay đổi. Sửa đổi duy nhất là bổ sung vào mục 1 của Thông tư tham chiếu Nghị định số 6.296 ngày 11/12/2007. Quy định này cho phép sử dụng giấy chứng nhận này để nhập khẩu các mẫu sản phẩm thức ăn chăn nuôi.
39	G/SPS/N/EU/769	CN, TY, TS	Liên minh châu Âu	04/6/2024	Quy định (EU) 2024/1189 ngày 24/4/2024 về việc gia hạn giấy phép chế phẩm <i>Lactiplantibacillus plantarum</i> LMG P-21295 làm phụ gia thức ăn cho tất cả loài động vật và sửa đổi Quy định (EU) số 1065/2012.	Chế phẩm <i>Lactiplantibacillus plantarum</i> được cấp phép trong thời hạn 10 năm dưới dạng phụ gia thức ăn cho tất cả loài động vật thuộc danh mục 'phụ gia công nghệ' và trong nhóm chức năng 'phụ gia thức ăn ủ chua'. Đơn xin gia hạn giấy phép đã nộp, Cơ quan An toàn Thực phẩm châu Âu đã có đánh giá tích cực nên các chất này được tái cấp phép làm phụ gia thức ăn cho tất cả loài động vật với một số điều kiện.
40	G/SPS/N/EU/768	CN, TY, TS	Liên minh châu Âu	04/6/2024	Quy định (EU) 2024/1193 ngày 24/4/2024 về việc gia hạn cấp phép cho việc sử dụng natri hydroxit	Natri hydroxit được phép sử dụng trong mười năm làm phụ gia thức ăn cho mèo, chó và cá cảnh thuộc danh mục 'phụ gia công nghệ' và trong nhóm chức năng 'điều chỉnh độ axit'. Đơn xin gia hạn giấy phép đã nộp, Cơ quan An toàn Thực phẩm châu Âu đã có đánh giá tích cực nên các chất này

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung
					làm chất phụ gia thức ăn cho mèo, chó, cá cảnh và bãi bỏ Quy định (EU) số 161/2013	được tái cấp phép làm phụ gia thức ăn cho tất cả loài động vật với một số điều kiện.
41	G/SPS/N/EU/767	CN, TY, TS	Liên minh châu Âu	04/6/2024	Quy định (EU) 2024/1185 ngày 24/4/2024 về việc gia hạn giấy phép của axit orthophosphoric làm phụ gia thức ăn cho tất cả loài động vật và bãi bỏ Quy định (EU) số 1055/2013	Axit orthophosphoric được cấp phép trong thời hạn 10 năm dưới dạng phụ gia thức ăn cho tất cả loài động vật thuộc danh mục 'phụ gia công nghệ' và trong nhóm chức năng 'chất bảo quản'. Đơn xin gia hạn giấy phép đã nộp, Cơ quan An toàn Thực phẩm châu Âu đã có đánh giá tích cực nên các chất này được tái cấp phép làm phụ gia thức ăn cho tất cả loài động vật với một số điều kiện.
42	G/SPS/N/EU/766	CN, TY, TS	Liên minh châu Âu	04/6/2024	Quy định (EU) số 2024/1196 ngày 25/4/2024 liên quan đến việc gia hạn cấp phép cho men vi sinh <i>Lentilactobacillus buchneri</i> DSM 19455 là chất phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật và bãi bỏ Quy định số 774/2013.	Men vi sinh <i>Lentilactobacillus buchneri</i> DSM 19455 được cấp phép trong thời hạn 10 năm theo danh mục “Chất phụ gia công nghệ” và trong nhóm chức năng “Chất phụ gia lên men”. Đơn xin gia hạn giấy phép đã nộp, Cơ quan An toàn Thực phẩm châu Âu đã có đánh giá tích cực nên các chất này được tái cấp phép làm phụ gia thức ăn cho tất cả loài động vật với một số điều kiện.
43	G/SPS/N/EU/765	CN, TY, TS	Liên minh châu Âu	04/6/2024	Quy định (EU) số 2024/1325 ngày	Quy định (EU) số 2024/1325 cho phép cyanocobalamin (vitamin B12) được sản xuất bởi chủng <i>Ensifer adhaerens</i>

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung
					8/5/2024 liên quan đến việc cấp phép cyanocobalamin (vitamin B12) được sản xuất bởi chủng <i>Ensifer adhaerens</i> CGMCC 21299 làm chất phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả loài động vật	CGMCC 21299 được cấp phép làm chất phụ gia thức ăn chăn nuôi trong danh mục “Chất phụ gia dinh dưỡng” và trong nhóm chức năng “Vitamin, tiền vitamin trong điều kiện nhất định.
44	G/SPS/N/TUR/23/Rev.1	BVTV	Thổ Nhĩ Kỳ	03/6/2024	Quy định về kiểm dịch thực vật	<p>“Quy định kiểm dịch thực vật” được rà soát, cập nhật nhằm hiện đại hóa các biện pháp kiểm dịch thực vật ở Thổ Nhĩ Kỳ để ngăn chặn sinh vật gây hại trong xuất nhập khẩu hàng hóa và đảm bảo đồng bộ, đáp ứng với sự phát triển công nghệ; thay đổi điều kiện cách ly, tăng cường biện pháp hiệu quả hơn nhằm bảo vệ sức khỏe con người, động vật và môi trường.</p> <p>Mục đích của quy định là điều chỉnh các thủ tục và nguyên tắc, biện pháp kiểm dịch thực vật đối với thực vật và sản phẩm thực vật.</p> <p>Quy định này bao gồm các sinh vật gây hại bị cấm đưa vào Thổ Nhĩ Kỳ và các biện pháp kiểm soát chính thức được thực hiện.</p> <p>Dự thảo bao gồm các thay đổi sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đăng ký vào Hệ thống theo dõi và kiểm dịch thực vật; • Sản phẩm cần phân tích nguy cơ dịch hại; • Hạn chế nhập khẩu thực vật, sản phẩm thực vật có nguy cơ cao; • Kiểm soát tái xuất khẩu.

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung
						Ngoài ra, các phụ lục của dự thảo Quy chế đã được cập nhật và bổ sung mới sinh vật gây hại: – Phụ lục-1/ Sinh vật gây hại được xác định chưa tồn tại ở Thổ Nhĩ Kỳ; – Phụ lục-2/ Sinh vật gây hại được xác định có tồn tại ở Thổ Nhĩ Kỳ; – Phụ lục-4/ Các yêu cầu đặc biệt đối với việc nhập khẩu thực vật và thảo dược; – Phụ lục-11- Bổ sung biểu mẫu lưu hành tự do.
45	G/SPS/N/TZA/360	CT	Tanzania	31/5/2024	Đặc điểm kỹ thuật PCD: 577:2024 - trà kombucha,	Dự thảo Tiêu chuẩn quy định cụ thể các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và xét nghiệm đối với trà Kombucha.
46	G/SPS/N/NZL/748 /Corr.1	BVTV	Niu Di-lân	31/5/2024	Tiêu chuẩn đối với cây có mùi để trồng	Văn bản quy định ban đầu được đính kèm với thông báo G/SPS/N/NZL/748 là không chính xác. Thông báo nhằm mục đích sửa đổi đường dẫn tài liệu đính kèm
47	G/SPS/N/EU/761 /Corr.1	ATTP	Liên minh châu Âu	31/5/2024	Loại bỏ chất tạo hương liệu Benzen-1,2-diol (FL số 04.029) khỏi danh sách được phép sử dụng của Liên minh châu Âu	Thay đổi ngày dự kiến thông qua về việc loại bỏ chất tạo hương liệu Benzen-1,2-diol (FL số 04.029) ra khỏi danh sách được phép sử dụng là quý IV năm 2024 thay vì tháng 6/2024.
48	G/SPS/N/EGY/146	ATTP, CT	Ai Cập	31/5/2024	Nghị định số 143/2024 quy định Tiêu chuẩn của Ai Cập ES 8042/2024 đối với "sữa lên men".	Nghị định số 143/2024 cho phép các nhà sản xuất và nhà nhập khẩu một thời gian chuyển đổi là 6 tháng để tuân thủ Tiêu chuẩn của Ai Cập ES 8042, trong đó quy định các yêu cầu cơ bản và tiêu chuẩn mô tả của các loại sữa lên men, sữa lên men đã xử lý nhiệt, sữa lên men cô đặc và các sản phẩm sữa phức hợp.

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung
49	G/SPS/N/NPL/44	ATTP	Nepal	28/5/2024	Đạo luật Chất lượng và An toàn thực phẩm	Quốc hội Liên bang Nepal và Chính phủ Nepal đã phê duyệt Đạo luật Chất lượng và An toàn Thực phẩm, 2081 để bảo vệ sức khỏe con người
50	G/SPS/N/BRA/2124 /Add.2	ATTP	Bra-xin	28/5/2024	Dự thảo Nghị quyết số 1134 ngày 23/12/2022	Nghị quyết 854, ngày 4/4/2024 được thông báo trong G/SPS/N/BRA/2124/Add.1 đã được sửa đổi khung pháp lý liên quan đến quy chuẩn kỹ thuật về bao bì, lớp phủ, dụng cụ, nắp đậy và thiết bị kim loại tiếp xúc với thực phẩm.
51	G/SPS/N/USA/3458	ATTP, BVTV	Hoa Kỳ	27/5/2024	Đơn kiến nghị về dư lượng hóa chất thuốc trừ sâu trong hoặc trên các loại hàng hóa khác nhau-Tháng 4 năm 2024	Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ thông báo về việc đã nhận được hồ sơ kiến nghị về thuốc bảo vệ thực vật, yêu cầu thiết lập hoặc sửa đổi quy định về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật đối với một số mặt hàng, cụ thể: Đề xuất dư lượng tồn dư thuốc diệt nấm inpyrfluxam trong hoặc trên hạt cải dầu phân nhóm 20A ở mức 0,01 mg/kg, thức ăn cho động vật 0,02 mg/kg
52	G/SPS/N/USA/3457	ATTP	Hoa Kỳ	27/5/2024	Đơn kiến nghị đối phụ gia màu thực phẩm	Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) nhận được đơn kiến nghị do Lonza Greenwood LLC đệ trình đề xuất quy định về phụ gia màu (sodium copper chlorophyllin), đơn đề nghị mức sử dụng an toàn trong viên nang thực phẩm bổ sung từ 0,08- 0,4 phần trăm trên tổng trọng lượng của viên nang
53	G/SPS/N/KGZ/31	TY	Kyrgyzstan	27/5/2024	Dự thảo Quyết định của Đoàn Ủy ban Kinh tế Á-Âu về việc sửa đổi Quy định yêu cầu vệ sinh thú y đối với hàng hóa phải kiểm soát thú y (giám sát).	Dự thảo cho phép các quốc gia thành viên của Liên minh kinh tế Á-Âu thống nhất và cấp giấy chứng nhận thú y dưới dạng điện tử thông qua việc sử dụng thư điện tử được phê duyệt bởi Quyết định số 607 ngày 7/4/2011

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung
54	G/SPS/N/BRA/2305	BVTV	Bra-xin	27/5/2024	Pháp lệnh SDA/MAPA Số 1110, ngày 13/5/2024	<p>Dự thảo Pháp lệnh của Bộ Nông nghiệp và Chăn nuôi nhằm tăng cường tính minh bạch và cải thiện cho phép sử dụng phương pháp phân tích nhanh hơn trong kiểm soát phân bón, chất điều chỉnh và chế phẩm</p> <p>Số tay hướng dẫn có tại liên kết: https://wikisda.agricultura.gov.br /, trong thư mục "Laboratories".</p> <p>Quy định này không ảnh hưởng đến thương mại quốc tế.</p>
55	G/SPS/N/CHL/791	BVTV	Chi Lê	24/5/2024	<p><u>Dự thảo sửa đổi Nghị quyết số 7.214 năm 2014 về việc thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật nhập khẩu đối với cây trồng để làm cảnh, đồng thời bãi bỏ Nghị quyết số 7.312 năm 2023."</u>+</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Dự thảo nghị quyết thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với cây trồng <i>Adenium obesum</i>, <i>Dionaea muscipula</i>, <i>Dipladenia sanderi</i>, <i>Duboisia leichhardtii</i>, <i>Duboisia myoporoides</i>, <i>Fagus sylvatica</i>, <i>Hibiscus rosa-sinensis</i>, <i>Hylocereus trigonus</i>, <i>Lagerstroemia indica</i>, <i>Magnolia grandiflora</i>, <i>Myrsine Africana</i>, <i>Nerium oleander</i>, <i>Pachira Aquas</i>, <i>Selaginella lepidophylla</i> và <i>Viburnum tinus</i>. • Thiết lập các yêu cầu đối với <i>Arecaceae</i> liên quan đến <i>Rhynchophorus ferrugineus</i>, một loài dịch hại không có ở Chi Lê; • Quy định tất cả vật ký chủ <i>Opogona sacchari</i> và <i>Xylella fastidiosa</i> từ các quốc gia có sự hiện diện của các loài gây hại này phải tuân thủ biện pháp kiểm dịch sau nhập khẩu; • Sửa đổi quy định đối với một số loài thực vật, dịch hại đã có trong nước, đã được loại bỏ theo thông tin do Cơ quan Dịch vụ Nông nghiệp và Chăn nuôi (SAG) cung cấp; • Sửa đổi quy định đối với một số loài thực vật, sâu bệnh được bổ sung theo thông tin do Cơ quan Dịch vụ Nông nghiệp và Chăn nuôi (SAG) cung cấp.
56	G/SPS/N/COL/355	TY	Colombia	24/5/2024	Nghị quyết số 00003125 (15/4/2024)	Nghị quyết này tạm dừng việc ban hành các quy định đối với việc nhập khẩu động vật, sản phẩm động vật và phụ

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung
					thiết lập các biện pháp phòng ngừa đối với vi rút cúm gia cầm chủng độc lực cao trên các động vật có vú.	phẩm động vật có nguy cơ lan truyền cúm gia cầm và đến từ những quốc gia, vùng lãnh thổ, bang và/ hoặc khu vực được báo cáo có vi rút cúm gia cầm độc lực cao (HPAI) trong động vật có vú. Việc tạm dừng này có thể kéo dài đến khi tiến hành các đánh giá để xác định có nên thiết lập các biện pháp lâu dài hoặc sửa đổi hay dỡ bỏ các biện pháp đã được thông qua trong Nghị quyết.
57	G/SPS/N/CAN/1554	CT	Canada	24/5/2024	Đề xuất loại bỏ Dầu thực vật brom (Brominated vegetable oil) khỏi danh mục phụ gia thực phẩm được phép sử dụng.	Bộ Y tế Canada đây đã hoàn thành báo cáo đánh giá đối với sự an toàn của dầu thực vật brom (BVO) được sử dụng làm phụ gia thực phẩm. Dựa trên kết quả báo cáo đánh giá kết luận rằng BVO sẽ không được tiếp tục sử dụng làm phụ gia thực phẩm. Thông báo này nhằm công bố quyết định của Bộ Y tế và mong muốn nhận được những báo cáo khoa học khác liên quan đến sự an toàn của dầu thực vật brom (BVO)
58	G/SPS/N/USA/3456	ATTP, BVTV	Hoa Kỳ	22/5/2024	Dự thảo quy định tồn dư thuốc trừ sâu tetraniliprole	Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ thông báo dự thảo quy định thiết lập dư lượng đối với tetraniliprole trong trà sấy khô ở mức 80 mg/kg. <i>* Tại Việt Nam, hoạt chất tetraniliprole được phép sử dụng trong nhóm thuốc BVTV với 01 thương phẩm (Thông tư số 09/2023/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2023 của Bộ NNPTNT).</i>
59	G/SPS/N/TZA/356 /Corr.1	BVTV, CT	Tanzania	22/5/2024	Đặc điểm kỹ thuật DEAS 765/2024 - Gạo lật	Dự thảo đặc điểm kỹ thuật thông báo G/SPS/N/TZA/356 đã ban hành do nhầm lẫn và đã được thu hồi.

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung
60	G/SPS/N/GEO/31	CN, TY	Georgia	22/5/2024	Thiết lập mức dư lượng tối đa chất tồn dư không mong muốn trong thức ăn chăn nuôi.	Bộ Nông nghiệp và Bảo vệ môi trường Georgia thông báo dự thảo mức dư lượng tối đa chất tồn dư không mong muốn trong thức ăn chăn nuôi.
61	G/SPS/N/EU/704 /Corr.1	ATTP, CLCB	Liên minh châu Âu	22/5/2024	Sửa đổi và sửa đổi Phụ lục III của Quy định thực hiện (EU) 2020/2235 liên quan đến giấy chứng nhận mẫu để gia nhập Liên minh cá sống, động vật giáp xác sống và các sản phẩm có nguồn gốc động vật động vật và một số sản phẩm thủy sản nhất định, dành cho tiêu dùng của con người	Quy định (EU) 2024/1333 ngày 17/5/2024 sửa đổi và sửa đổi Phụ lục III của Quy định thực hiện (EU) 2020/2235 liên quan đến giấy chứng nhận mẫu để nhập khẩu vào Liên minh châu Âu cá sống, động vật giáp xác sống và các sản phẩm có nguồn gốc động vật động vật và một số sản phẩm thủy sản dùng làm thực phẩm cho con người
62	G/SPS/N/BDI/107; G/SPS/N/KEN/285; G/SPS/N/RWA/100; G/SPS/N/TZA/359; G/SPS/N/UGA/334	BVTV, CT	Các quốc gia Đông Phi	22/5/2024	Đặc điểm kỹ thuật DEAS 765:2024 - Gạo lật	Dự thảo Tiêu chuẩn của các quốc gia Đông Phi quy định các yêu cầu và phương pháp lấy mẫu, thử nghiệm đối với gạo lật của các giống được trồng từ loài <i>Oryza spp.</i> , dùng làm thực phẩm cho con người hoặc chế biến thành gạo xay. Tiêu chuẩn cũng áp dụng cho gạo lật đã được nấu chín.
63	G/SPS/N/USA/3455	ATTP, BVTV	Hoa Kỳ	21/5/2024	Dự thảo quy định tồn dư thuốc trừ sâu cyantraniliprole	Quy định này thiết lập và sửa đổi dư lượng tồn dư cyantraniliprole (bao gồm các chất chuyển hóa và chất phân hủy) trong hoặc trên nhiều mặt hàng. Cụ thể trên các mặt hàng:

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung
						<ul style="list-style-type: none"> - Quả bơ: 0,4 mg/kg - Nho: 2 mg/kg - Xoài: 0,7 mg/kg - Ô liu: 3 mg/kg - Đu đủ: 1,5 mg/kg - Gia vị (nhóm cây 26): 80 mg/kg <p>.....</p> <p>Xem chi tiết tại: https://www.govinfo.gov/content/pkg/FR-2024-05-15/html/2024-10490.htm</p> <p><i>* Tại Việt Nam, hoạt chất cyantraniliprole được phép sử dụng trong nhóm thuốc BVTV với 03 thương phẩm (Thông tư số 09/2023/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2023 của Bộ NNPTNT).</i></p>
64	G/SPS/N/USA/3454	ATTP, BVTV	Hoa Kỳ	21/5/2024	Dự thảo quy định tồn dư thuốc trừ sâu cyflumetofen	<p>Quy định này thiết lập và sửa đổi dư lượng tồn dư cyflumetofen trong hoặc trên một số mặt hàng nông sản. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân nhóm 13-07G (quả mọng, cây mọc thấp): 0,6 - Phân nhóm 13-07F (quả nhỏ, cây leo, trừ quả Kiwi): 0,6 - Phóm 9 (rau, họ bầu bí): 0,3 - Xem chi tiết tại: https://www.govinfo.gov/content/pkg/FR-2024-05-10/html/2024-10187.htm <p><i>* Tại Việt Nam, hoạt chất cyflumetofen được phép sử dụng trong nhóm thuốc BVTV với 02 thương phẩm (Thông tư số 09/2023/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2023 của Bộ NNPTNT).</i></p>
65	G/SPS/N/CAN/1553	ATTP, BVTV	Canada	21/5/2024	Dự thảo thiết lập mức dư lượng tối đa (MRL) đối với	<p>Cơ quan Quản lý dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA) dự thảo PMRL2024-06 thiết lập giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với picarbutrazox, cụ thể như sau:</p>

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung				
					picarbutrazox (PMRL2024-06)	<table border="1"> <tr> <td>MRL (ppm)¹</td> <td>Hàng hóa/sản phẩm nông sản</td> </tr> <tr> <td>0,01</td> <td>Đậu Hà Lan khô và đậu khô (trừ đậu tương) (phân nhóm cây trồng 6C); hạt ngũ cốc (nhóm cây trồng 15); hạt cải dầu (sữa đoi) (phân nhóm cây trồng 20A)</td> </tr> </table> <p>¹ppm = phần triệu</p>	MRL (ppm) ¹	Hàng hóa/sản phẩm nông sản	0,01	Đậu Hà Lan khô và đậu khô (trừ đậu tương) (phân nhóm cây trồng 6C); hạt ngũ cốc (nhóm cây trồng 15); hạt cải dầu (sữa đoi) (phân nhóm cây trồng 20A)
MRL (ppm) ¹	Hàng hóa/sản phẩm nông sản									
0,01	Đậu Hà Lan khô và đậu khô (trừ đậu tương) (phân nhóm cây trồng 6C); hạt ngũ cốc (nhóm cây trồng 15); hạt cải dầu (sữa đoi) (phân nhóm cây trồng 20A)									
66	G/SPS/N/CAN/1552	ATTP, BVTV	Canada	21/5/2024	Dự thảo thiết lập mức dư lượng tối đa (MRL) đối với dichlorprop (PMRL2024-07)	<p>Cơ quan Quản lý dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA) dự thảo PMRL2024-07 thiết lập giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với dichlorprop, cụ thể như sau:</p> <table border="1"> <tr> <td>MRL (ppm)¹</td> <td>Hàng hóa/sản phẩm nông sản</td> </tr> <tr> <td>0,02</td> <td>Hạt hoàng yến</td> </tr> </table> <p>¹ppm = phần triệu</p>	MRL (ppm) ¹	Hàng hóa/sản phẩm nông sản	0,02	Hạt hoàng yến
MRL (ppm) ¹	Hàng hóa/sản phẩm nông sản									
0,02	Hạt hoàng yến									
67	G/SPS/N/BRA/2304	ATTP, BVTV	Bra-xin	21/5/2024	Dự thảo Nghị quyết 1256, ngày 9/5/2024	Dự thảo Cập nhật các hoạt chất A41 - amicarbazone, A58 - azadirachta indicata, B42 - bentiavalib isopropyl, B46 - benzovindiflup, C18 - chlorothalonil, c36 - cyproconazole, c63 - lambda -cyalothrine, C73 - metofem, d21 - diquate, d36 - difenoconazole, e 25 - spirodiclofen, E34 - spidoxamate, F46 - flumioxazine, F47 - fluazinam, F69 - flupyradifurone, I21 - indoxacarb, I27 - indaziflam, I34 - isopyrazam, M19 - metribuzim và P23.1 - propamocarb idate vào Danh sách chuyên khảo của thành phần hoạt chất cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ				
68	G/SPS/N/BRA/2005 /Add.3	ATTP, CT	Bra-xin	21/5/2024	Dự thảo Nghị quyết số 1071, ngày 2/2/2022	Hướng dẫn Quy chuẩn 286, ngày 8/3/2024 trong thông báo G/SPS/N/BRA/2005/Add.2 đã được sửa đổi, sửa đổi bao gồm quy định về quy chuẩn kỹ thuật về phân bố phụ gia thực phẩm và tá chất cho thực phẩm thuộc nhóm 1: các sản				

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung
						phẩm từ sữa và các phân nhóm của sữa: sữa bột, kem bột, sữa lên men và phô mai.
69	G/SPS/N/CHN/1300	CLCB, BVTV	Trung Quốc	14/5/2024	Yêu cầu kiểm dịch thực vật nhập khẩu đối với giá thể hữu cơ để trồng trọt	<ol style="list-style-type: none"> 1. Quy định các loại giá thể hữu cơ để trồng trọt được phép xuất khẩu sang Trung Quốc; 2. Yêu cầu, thủ tục đăng ký, thời hạn có hiệu lực và khuyến nghị đối với nhà sản xuất giá thể hữu cơ để trồng trọt; 3. Yêu cầu kiểm dịch thực vật nhập khẩu đối với giá thể hữu cơ để trồng trọt; 4. Quy định các yêu cầu về đóng gói, bảo quản, vận chuyển và chứng nhận trước khi nhập khẩu các loại giá thể hữu cơ để trồng trọt vào Trung Quốc; 5. Quy định thủ tục kiểm tra nhập khẩu và yêu cầu xử lý đối với trường hợp không tuân khi nhập khẩu giá thể hữu cơ để trồng trọt sang Trung Quốc.

2. Danh sách quy định có hiệu lực

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung
1	G/SPS/N/NZL/761 /Add.2	BVTV	Niu Di-lân	20/6/2024	Sửa đổi tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu cây giống của Bộ các ngành Công nghiệp cơ bản (MPI) 155.02.06	MPI sửa đổi Tiêu chuẩn 155.02.06 về các biện pháp kiểm dịch thực vật bổ sung để quản lý 11 loài sinh vật nấm phytoplasma trên 43 giống vật chủ. Các biện pháp này sẽ có hiệu lực từ ngày 14/3/2025. Các sửa đổi bao gồm: 1. Sửa đổi các loài sinh vật nấm phytoplasma được liệt kê là loài gây hại kiểm dịch trong danh mục Rosa; 2. Loại bỏ các biện pháp kiểm dịch vi sinh vật nấm phytoplasma trên các chi/loài <i>Acrocomia</i> , <i>Hippeastrum</i> và <i>Zantedeschia</i> . Ngày thông qua quy định: 14/6/2024
2	G/SPS/N/JPN/1260 /Add.1	BVTV	Nhật Bản	17/6/2024	Pháp lệnh thực thi Đạo luật Bảo vệ thực vật và danh sách dịch hại không thuộc diện kiểm dịch	Pháp lệnh thực thi Đạo luật Bảo vệ thực vật và danh sách dịch hại không thuộc diện kiểm dịch (được thông báo bởi G/SPS/N/JPN/1260 vào ngày 12/3/2024) đã được công bố trên Công báo Nhật Bản vào ngày 17/6/2024. Quy định sẽ có hiệu lực từ ngày 18/6/2024.
3	G/SPS/N/SGP/83 /Add.1	TY	Singapore	13/6/2024	Những yêu cầu về thú y đối với nhập khẩu chó và mèo	Ủy ban Công viên Quốc gia (Nparks) và Cơ quan dịch vụ Động vật (AVS) xem xét sửa đổi các điều kiện để nhập khẩu chó mèo đã được thông báo trong G/SPS/N/SGP/83. Dựa vào những phản hồi mà cơ quan đã nhận được trong thời gian 60 ngày cho góp ý, những thay đổi được bổ sung như sau: 1. Giữ nguyên thời hạn hiệu lực 7 ngày của giấy chứng nhận kiểm dịch động vật trước khi xuất khẩu.

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung
						<p>2. Sửa đổi quy định kiểm tra chó/mèo trong vòng 7 ngày trước khi xuất khẩu thay vì chỉ trước 01 ngày hoặc trong ngày.</p> <p>3. Thay đổi thời gian từ lúc lấy mẫu huyết thanh xét nghiệm bệnh dại đến ngày xuất khẩu đối với các quốc gia thuộc Nhóm III từ 180 ngày xuống còn không dưới 90 ngày để phù hợp quy định của Tổ chức Thú y thế giới (WOAH), Chương 8.15: Lây nhiễm vi rút dại</p> <p>Bản cuối cùng về điều kiện thú y đối với nhập khẩu chó/mèo từ quốc gia/vùng theo Nhóm I đến III sẽ được thông qua vào ngày 01/7/2024 và có một khoảng thời gian thích ứng là 06 tháng, từ ngày 01/7/2024 đến ngày 31/12/2024 để nhà xuất khẩu có thêm thời gian điều chỉnh đáp ứng điều kiện mới, trong thời gian này vẫn có thể áp dụng các quy định trước đó.</p>
4	G/SPS/N/USA/3135 /Add.4	ATTP, BVTV, CT	Hoa Kỳ	10/6/2024	Chứng nhận phòng kiểm nghiệm về phân tích thực phẩm; Xác định phòng kiểm nghiệm đủ năng lực để kiểm nghiệm thực phẩm nhập khẩu	<p>Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm (FDA) xác định có đủ năng lực phòng kiểm nghiệm trong chương trình Chứng nhận phòng kiểm nghiệm phân tích thực phẩm (LAAF) để thử nghiệm về độc tố nấm mốc (mycotoxins) trong thực phẩm nhập khẩu. Nhà nhập khẩu phải tuân theo quy định của LAAF là sử dụng phòng kiểm nghiệm được LAAF công nhận để kiểm nghiệm thực phẩm nhập khẩu. FDA sẽ công nhận các phòng kiểm nghiệm theo tiêu chuẩn được thiết lập (được gọi là phòng thí nghiệm được LAAF công nhận).</p>
5	G/SPS/N/EU/733 /Add.1	ATTP	Liên minh châu Âu	06/6/2024	Phê duyệt các chất phụ gia thực phẩm: axit tartaric (L(+)-) (E	<p>Đề xuất trong thông báo G/SPS/N/EU/733 (ngày 01/3/2024) được thông qua bởi Quy định (EU) 2024/1451 ngày 24/5/2024 sửa đổi Phụ lục II và Phụ lục III của Quy</p>

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung
					334), natri tartrat (E 335), kali tartrat (E 336), natri kali tartrat (E 337) và canxi tartrat (E 354)	định (EC) số 1333/2008 về phụ gia thực phẩm axit tartaric (L(+)-) (E 334), natri tartrat (E 335), kali tartrat (E 336), natri kali tartrat (E 337) và canxi tartrat (E 354). Quy định có hiệu lực từ ngày 16/12/2024.
6	G/SPS/N/EU/697 /Add.1	ATTP, BVTV, TY	Liên minh châu Âu	30/5/2024	Quy định mức dư lượng tối đa đối với deltamethrin, metalaxyl, thiabendazole và trifloxystrobin trong hoặc trên một số sản phẩm nhất định	Dự thảo trong thông báo G/SPS/N/EU/697 (ngày 23/11/2023) về Quy định (EU) 2024/1342 ngày 21/5/2024 sửa đổi Phụ lục II Quy định (EC) số 396/2005 về việc thông mức dư lượng tối đa đối với deltamethrin, metalaxyl, thiabendazole và trifloxystrobin trong hoặc trên một số sản phẩm nhất định. Quy định có hiệu lực từ ngày 11/6/2024. Xem chi tiết quy định tại: https://members.wto.org/crnattachments/2024/SPS/EEC/24_03498_00_e.pdf
7	G/SPS/N/EU/686 /Add.1	ATTP, BVTV, TY	Liên minh châu Âu	30/5/2024	Quy định mức dư lượng tối đa đối với dithianon trên hoặc trong 1 số sản phẩm nhất định	Dự thảo trong thông báo G/SPS/N/EU/686 (ngày 30/10/2023) được thông qua bởi Quy định của Ủy ban (EU) 2024/1314 ngày 15/5/2024 về mức dư lượng tối đa đối với dithianon trong hoặc trên một số sản phẩm nhất định. Quy định mức dư lượng: Nhóm quả có múi: 1 - 3 mg/kg Nhóm hạt: 0,01 - 0,05 mg/kg Nhóm quả dạng táo: 1,5 - 3 mg/kg Nhóm rau củ: 0,01 mg/kg Nhóm rau quả: 0,01 - 0,6 mg/kg Nhóm ngũ cốc: 0,01 - 0,05 mg/kg Trà, cà phê.v.v. : 0,01 mg/kg

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung
						Nhóm gia vị: 0,01 mg/kg Nhóm sản phẩm có nguồn gốc động vật: 0,01 mg/kg Quy định có hiệu lực từ ngày 5/12/2024. Xem chi tiết quy định tại: https://members.wto.org/crnattachments/2024/SPS/EEC/24_03497_00_e.pdf
8	G/SPS/N/BRA/2252 /Add.1	ATTP, BVTV	Bra-xin	22/5/2024	Dự thảo Nghị quyết 1228, ngày 18/1/2024	Dự thảo Nghị quyết 1228, ngày 18/1/2024, thông báo trong G/SPS/N/BRA/2252 đã được thông qua bởi Hướng dẫn quy phạm 299, ngày 17/5/2024 đưa hoạt chất C88 - cyclobutryfluram vào Danh sách chuyên khảo về các hoạt chất về thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ.
9	G/SPS/N/BRA/2250 /Add.1	ATTP, BVTV	Bra-xin	22/5/2024	Dự thảo Nghị quyết 1232, ngày 2/2/2024	Dự thảo Nghị quyết 1232, ngày 2/2/2024, thông báo trong G/SPS/N/BRA/2250 đã được thông qua bởi Hướng dẫn quy phạm 300, ngày 17/5/2024 đưa các hoạt chất A02 - acephate, A12 - asulam, A26 - azoxystrobin, A29 - acetamiprid, A54 - azadirachtin, B26 - bifenthrin, B39 - benzyladenine, B41 - boscalid, B68 - bixlozone, C10 - cypermethrin, C35 - chlomazone, C36 - cyproconazol, C63 - lambda-cyhalothrin, D25 - diuron, D55 - dinotefuran, F68 - fluxapyroxad, G01 - glyphosate, H02 - hexazinone, I32 - isocycloseram, M02 - mancozeb, M31 - metalaxyl-M, M38 - milbemectin, P05 - pendimethalin, P13 - profenofos, P61 - pyroxasulfone, S13 - S-metolachlor và T24 - triflural vào Danh sách chuyên khảo về các thành phần hoạt chất cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung
10	G/SPS/N/SGP/85 /Add.1	ATTP	Singapore	21/5/2024	Dự thảo Quy định 2024 về Thực phẩm (Sửa đổi)	Dự thảo sửa đổi Quy định 2024 liên quan đến các thành phần và phụ gia thực phẩm trong thông báo G/SPS/N/SGP/85 sẽ được thông qua là Quy định 2024 về thực phẩm vào ngày 20/5/2024 và có hiệu lực vào ngày 31/5/2024.
11	G/SPS/N/AUS/582 /Add.1	TY, TS	Úc	21/5/2024	Nhập khẩu cá tầm sống trong nuôi trồng thủy sản – Báo cáo cuối cùng về Phân tích nguy cơ An toàn sinh học	<p>Bộ Nông nghiệp, Ngư nghiệp và Lâm nghiệp (BIRA) đã công bố bản báo cáo về phân tích rủi ro nhập khẩu về sinh học cho cá tầm sống cho ngành nuôi trồng thủy sản.</p> <p>BIRA đánh giá các rủi ro sinh học liên quan đến việc nhập khẩu cá tầm sống (loài <i>Acipenser</i> và <i>Huso</i>) từ tất cả các quốc gia cho mục đích nuôi trồng thủy sản.</p> <p>Bản báo cáo phân tích rủi ro về An toàn sinh học trong nhập khẩu cá tầm khuyến cáo rằng hai loài cá tầm <i>Acipenser</i> và <i>Huso</i> được phép nhập khẩu vào Úc, khi chúng tuân thủ một số biện pháp an toàn sinh học thích hợp. Các biện pháp này bao gồm từ nguồn cung ứng sạch bệnh, kiểm dịch trước và sau khi xuất khẩu, xử lý ký sinh trùng, khử trùng trứng và xét nghiệm các tác nhân gây bệnh.</p> <p>Ngoài việc đáp ứng các biện pháp an toàn sinh học theo Đạo luật An toàn sinh học năm 2015, việc nhập khẩu cá tầm sống và các nguyên liệu sinh sản của chúng vào Úc cũng đáp ứng các yêu cầu theo Đạo luật bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học năm 1999 và pháp luật các bang và vùng lãnh thổ liên quan.</p> <p>Trước khi Cục biến đổi khí hậu, năng lượng, môi trường và nước xem xét hồ sơ xin nhập khẩu cá tầm sống và các nguyên liệu sinh sản của chúng cho nuôi trồng thủy sản, một số hoạt động cần phải được hoàn thiện và các điều kiện nhập khẩu cuối cùng được công bố trên trang web Điều kiện An</p>

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung
						<p>toàn sinh học trong nhập khẩu vào Úc (Biosecurity Import Conditions - BICON).</p> <p>Tham khảo những quy định về an toàn sinh học này tại: https://www.agriculture.gov.au/biosecurity-trade/policy/risk-analysis/animal/live-sturgeon-foraquaculture</p> <p>Chi tiết bản báo cáo cuối cùng Phân tích rủi ro về An toàn sinh học trong nhập khẩu cá tầm tại: https://www.agriculture.gov.au/biosecuritytrade/policy/risk-analysis/animal/live-sturgeon-for-aquaculture</p>

- Nội dung chi tiết được đăng tải tại: www.spsvietnam.gov.vn hoặc <https://docs.wto.org/>

- Ghi chú chữ viết tắt liên quan đến các lĩnh vực/đơn vị quản lý nhà nước: ATTP: An toàn thực phẩm (Cục ATTP - Bộ Y tế); BVTV: Bảo vệ thực vật; CLCB: Chất lượng, chế biến; CN: Chăn nuôi; CT: Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương; TY: Thú y; TS: Cục thủy sản. Các đơn vị rà soát kỹ nội dung thông báo dự thảo liên quan đến lĩnh vực quản lý để góp ý và triển khai thực hiện.